

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI,  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/9/2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tôn Phước Thuận

Ông Tô Ngọc Liêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 551/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2020/QĐ-ST ngày 18/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 426/2020/QĐ-ST ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1992; địa chỉ: số 498, tổ 17, ấp Tây Thượng, xã M.H, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

*Bị đơn:* anh Trần Duy S, sinh năm 1987; địa chỉ: số 536, ấp Tây Thượng, xã M.H, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày: chị và anh Trần Duy S do mai mối, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng đăng ký kết hôn vào tháng 30/7/2014 tại UBND xã Mỹ Hiệp, huyện C.M, An Giang; vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên tôi xin ly hôn với anh Trần Duy S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 07/01/2017 và Trần Duy B, sinh ngày 01/01/2015. Hiện nay, cháu Duy B đang do chị H nuôi

đưỡng chăm sóc, cháu Hữu T đang sống cùng với anh Duy S. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Duy B và thỏa thuận để anh Duy S tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Vợ chồng sẽ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn Trần Duy S không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Trần Duy S có hộ khẩu thường trú tại xã M.H, huyện C.M, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C.M, tỉnh An Giang.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Anh Duy S không có bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 04/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới mở phiên tòa để giải quyết tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” giữa chị H và anh S nhưng anh S vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 24/9/2020 Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trần Duy S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Trần Duy S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2014 tại UBND xã M.H, huyện C.M, hoàn toàn phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị H và anh S do UBND xã M.H, huyện C.M cấp mà chị H giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Đánh giá về tình trạng hôn nhân: sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, mối quan hệ giữa vợ chồng trở nên căng thẳng và kể từ thời điểm đó chị Ngọc H đã bỏ về gia đình cha mẹ ruột sinh sống kể từ thời điểm đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, anh S cũng không quan tâm gì đến chị H trong thời gian vợ chồng ly thân; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình,

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến các phiên hòa giải để vận động các bên giải tỏa những bất đồng, xích mích nhưng anh S đều vắng mặt, thể hiện việc anh S không có mong muốn hàn gắn tình cảm, không muốn đoàn tụ với chị H. Hiện nay, chị H và anh S vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống riêng lẻ của mỗi người, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn anh Trần Duy S là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 07/01/2017 và Trần Duy B, sinh ngày 01/01/2015. Hiện nay, cháu Duy B đang do chị H nuôi dưỡng chăm sóc, cháu Hữu T đang sống cùng với anh Duy S. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Duy B và đồng ý để anh Duy S tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Vợ chồng sẽ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cần thiết, để ổn định tâm lý, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường, toàn diện về mọi mặt.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao giao cháu Duy B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Hữu T cho anh Duy S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Chị H và anh S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H. Chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Duy S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 136, Quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã M.H, huyện C.M, tỉnh An Giang cấp ngày 30/7/2014 cho chị Phạm Thị Ngọc H với anh Trần Duy S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao cháu Trần Hữu T, sinh ngày 07/01/2017 cho anh Trần Duy S và giao cháu Trần Duy B, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Phạm Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh S, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Phạm Thị Ngọc H đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0008668 ngày 03/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.M, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Duy S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C.M;
- Chi cục THADS huyện C.M;
- UBND xã M.H, huyện C.M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**